| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆTNAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 49/2024/HNGĐ-ST
Ngày 08 – 4 – 2024
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Dũng Liêm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Minh Trọn

Ông Trần Văn Giang

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 08 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2024 về việc "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Hồng T, sinh năm 1968. Địa chỉ: Ấp R, xã Phú T, huyện P, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê Ngọc A, sinh năm 1964. Địa chỉ: Ấp R, xã Phú T, huyện P, tỉnh Cà Mau (có mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Nguyên đơn bà T trình bày*:

- Về hôn nhân: Bà và ông A chung sống với nhau năm 1997, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu rất hạnh phúc nhưng thời gian sau giữa ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông bà sống ly thân từ tháng 3 năm 2023 đến nay. Nay bà nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt, mâu thuẫn đã trầm trọng nên bà yêu cầu ly hôn với ông A.

- Về con chung: Có 04 con chung là Lê Huỳnh N, sinh năm 1997, Lê Mỹ L, sinh năm 1998, Lê Anh T, sinh năm 2003 và Lê Ngọc Q, sinh năm 2004. Các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông A trình bày:*

- Về hôn nhân: Ông thống nhất với bà T về thời gian ông bà chung sống và không có đăng ký kết hôn như bà T trình bày. Quá trình chung sống giữa ông và bà T không có mâu thuẫn gì lớn, nguyên nhân chủ yếu do bà T mâu thuẫn với anh em của ông dẫn đến mâu thuẫn với ông, nay bà T xin ly hôn ông không đồng ý vì vẫn còn tình cảm với bà T và ông xin đoàn tụ để ông sắp xếp lại việc gia đình.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Thống nhất với lời trình bày của bà T.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Bà T và ông A chung sống với nhau năm 1997, không có đăng ký kết hôn. Theo bà T xác định quá trình chung sống giữa bà và ông A thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2023 đến nay, từ lý do trên nên bà T yêu cầu ly hôn với ông A, đối với ông A không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *"Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng…"*. Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không xem xét nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến bà T yêu cầu xin ly hôn mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa hai đương sự là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Về con chung: Các con chung đã trưởng thành, các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, trường hợp có phát sinh tranh chấp về các vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà T phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Phạm Hồng T và ông Lê Ngọc A là vợ chồng.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Hồng T phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003176 ngày 16/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Đã ký*

**Hồ Dũng Liêm**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Minh Trọn** **Trần Văn Giang** **Hồ Dũng Liêm**